CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Garmex Sài Gòn

Ngày 31/12/2024	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q4/24
0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.26| 219%
YoY: ▲ 0.25| 194%

LN thuần
Q4/24
-8.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.51| 5.9%
YoY: ▼0.03| -0.4%

LN sau thuế
Q4/24
-10.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.49| -17.6%
YoY: ▼2.34| -30.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-3482%
YoY: +/-▼ 2945%

ROE
2024
-4.7%
YoY: +/-▲ 7.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,500 - 9,210
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
Số lượng CPLH (CP)	32,950,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,010
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	(0.21)
EPS	-552
P/E	-11.8

DT thuần
2024
0.86
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.44| -89.7%

LN thuần
2024
-36.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.20| 20.0%

LN sau thuế
2024
-18.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.7| 65.0%

Cơ cấu sở hữu

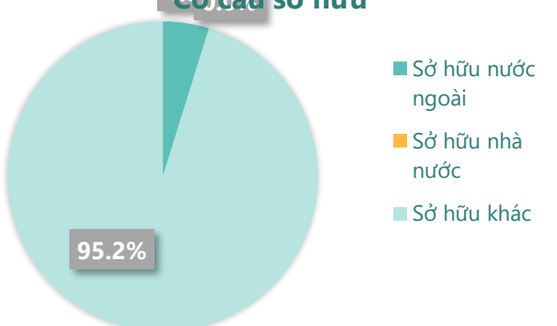

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

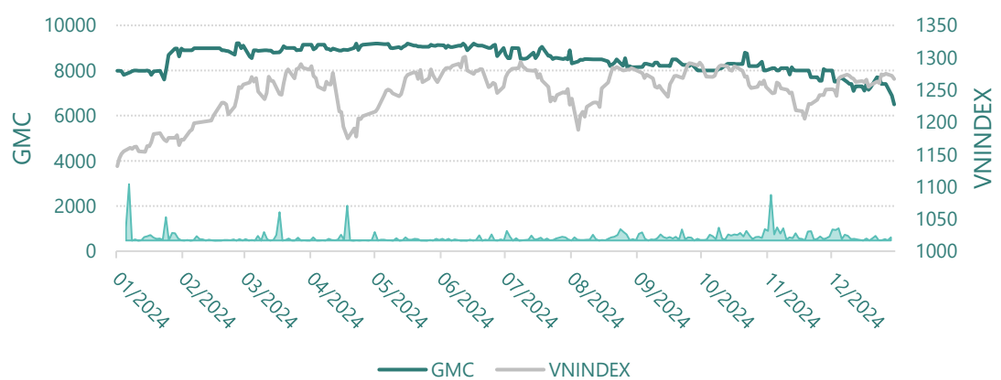

Cơ cấu cổ đông

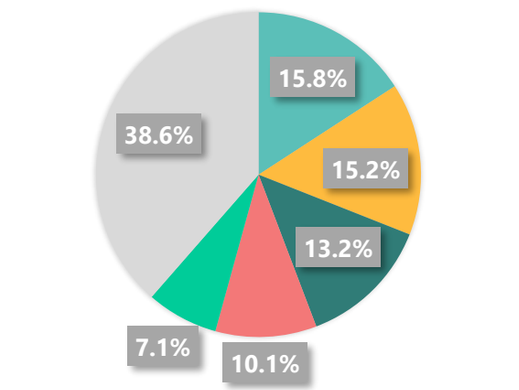

- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
- CTCP Đầu tư T.T.A
- CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thừa Thiên Huế
- CTCP Dệt may Gia Định
- Lâm Tử Thanh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

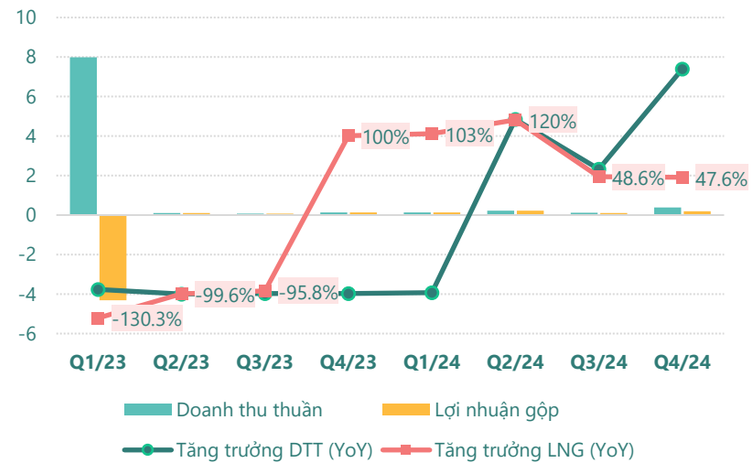

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

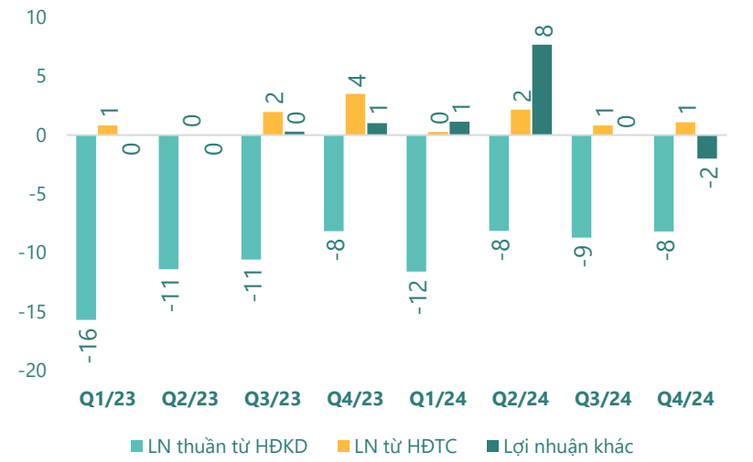

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

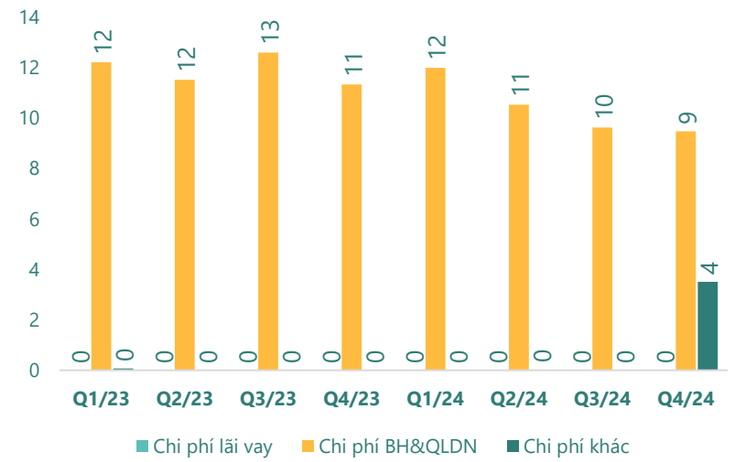

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

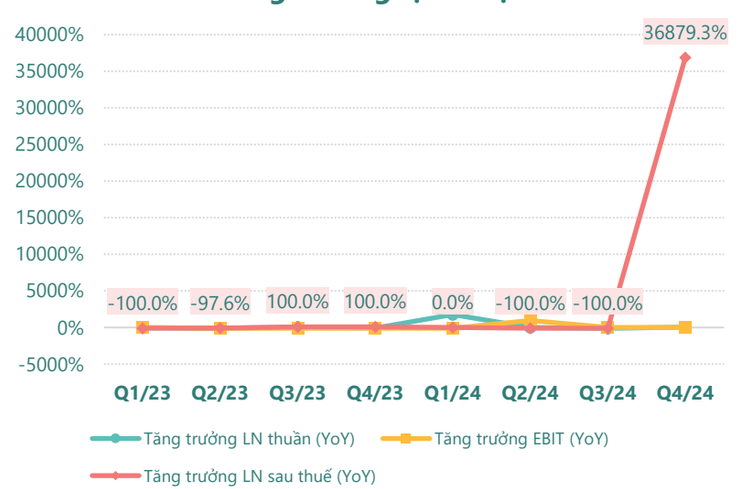

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

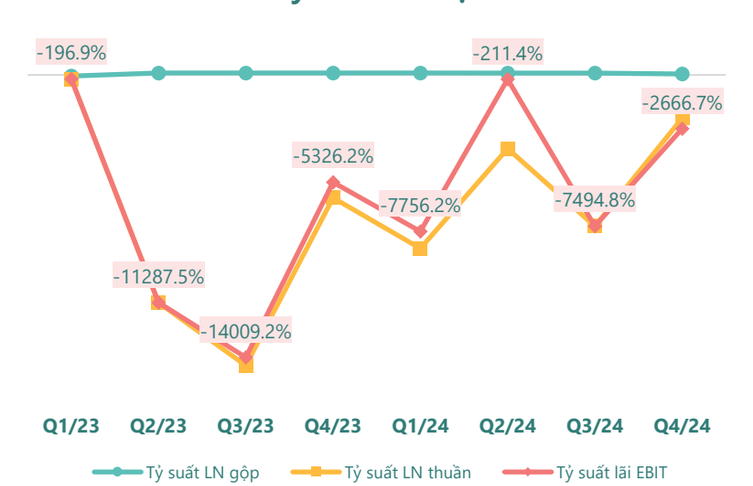

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

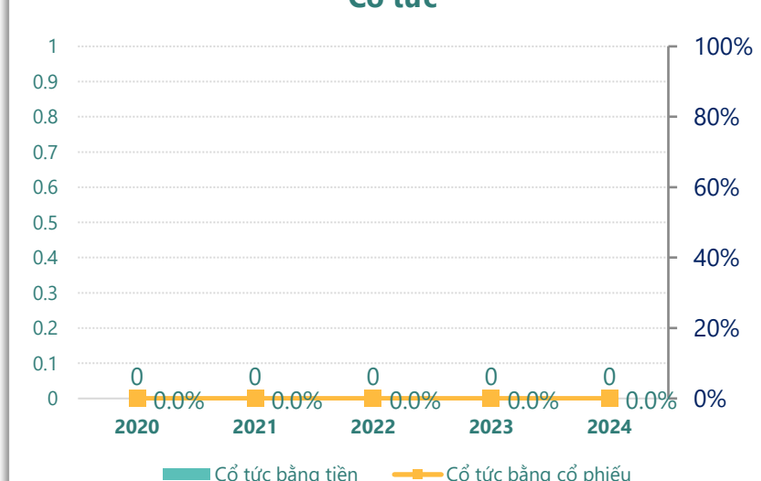

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

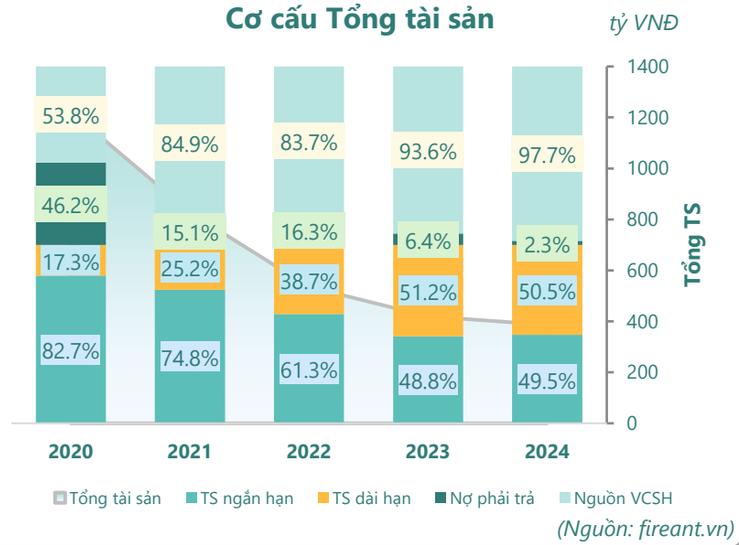

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

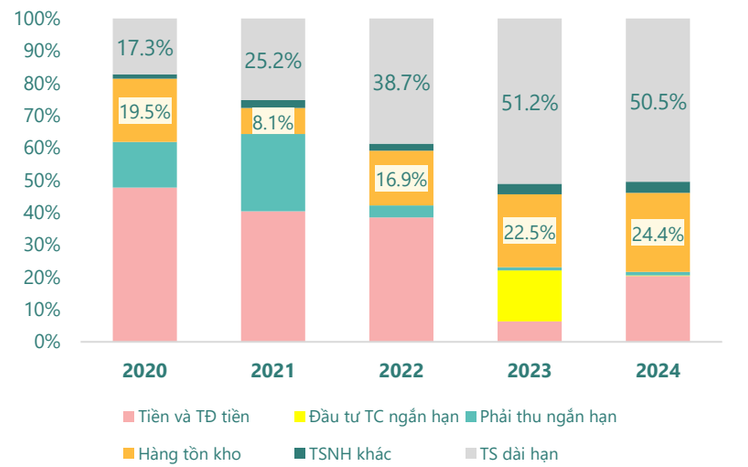

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

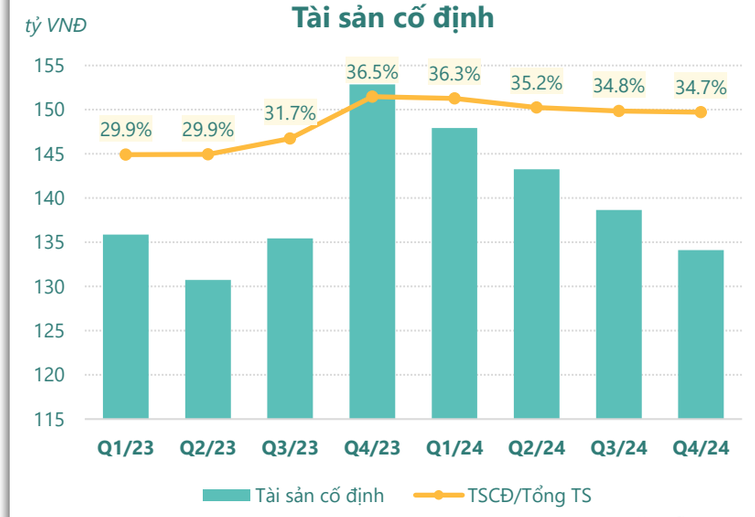

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

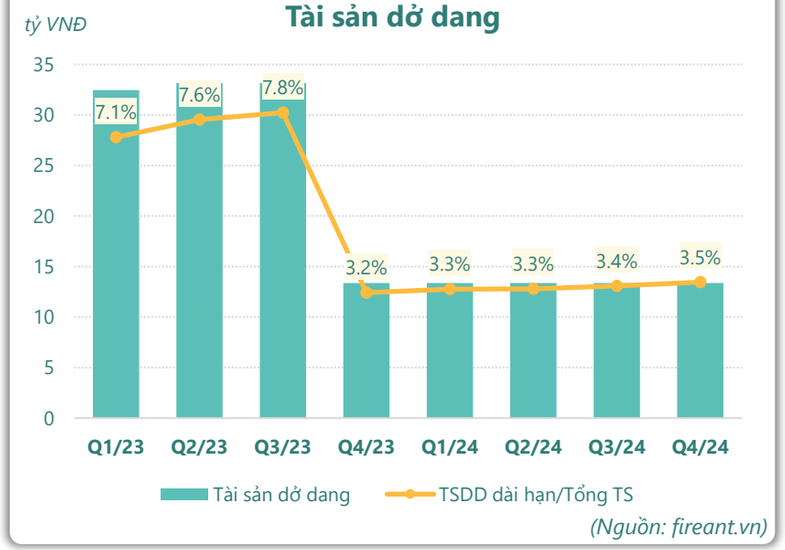

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

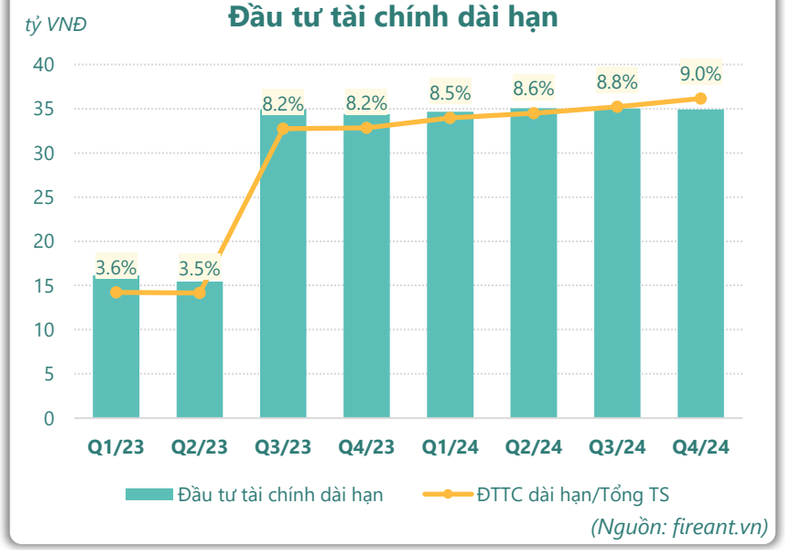

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

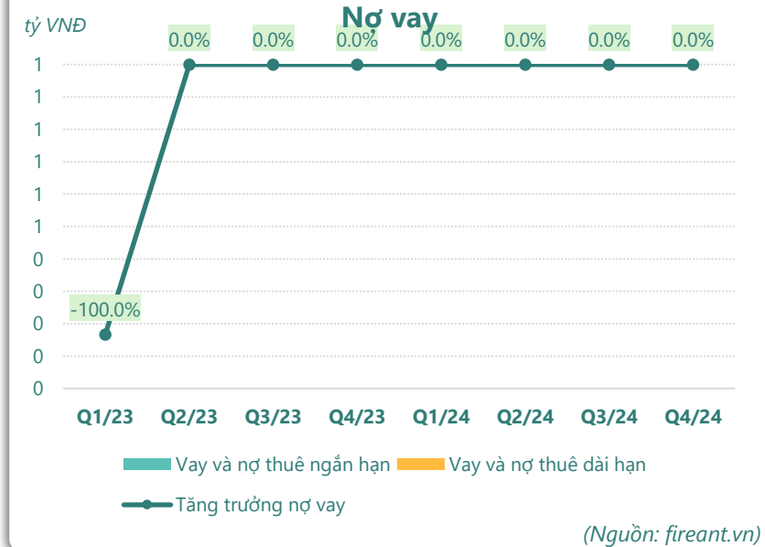

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

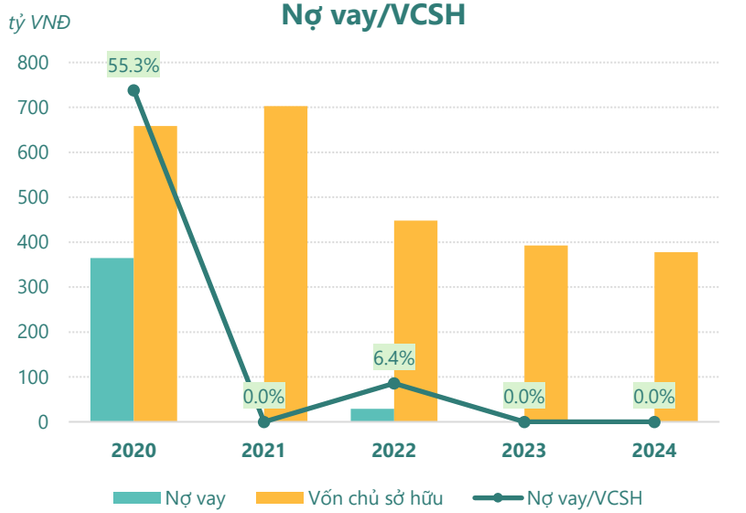

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

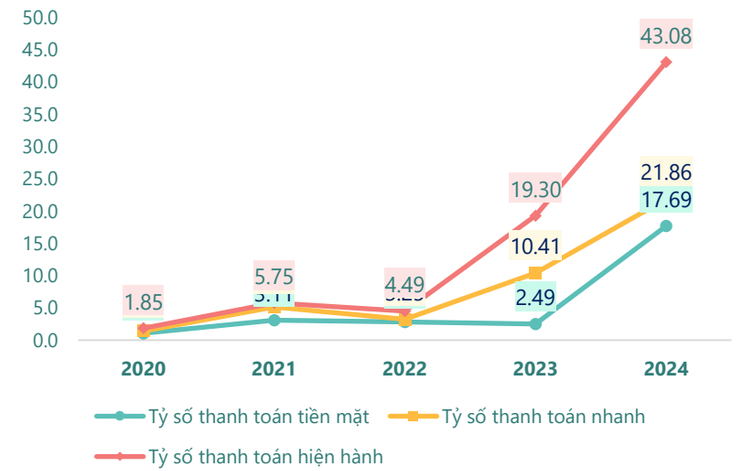

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

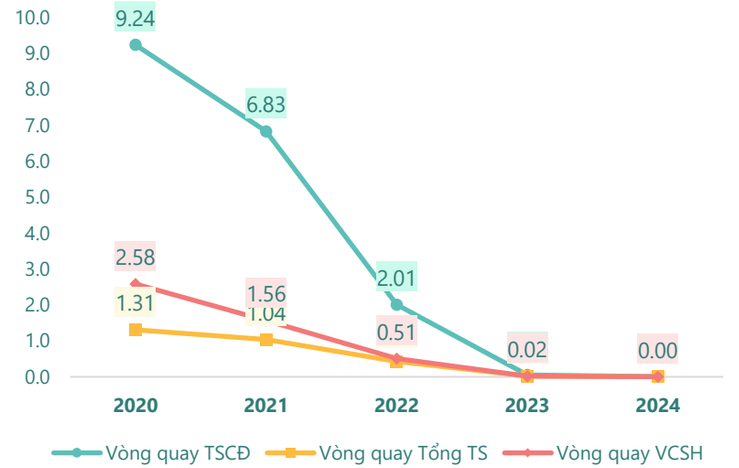

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

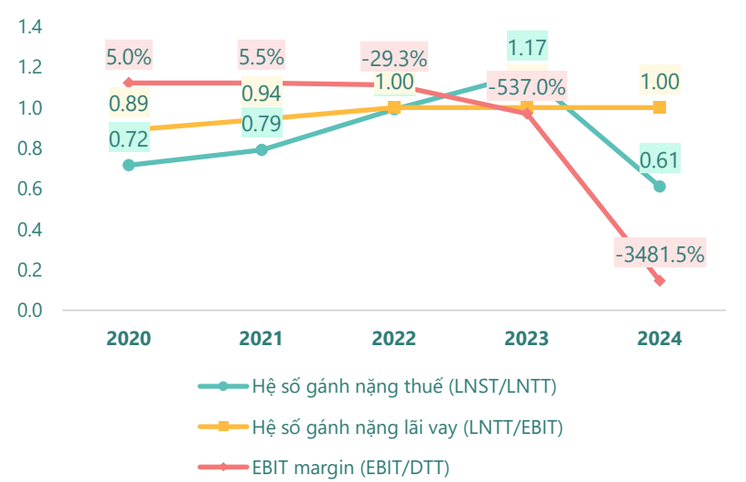

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

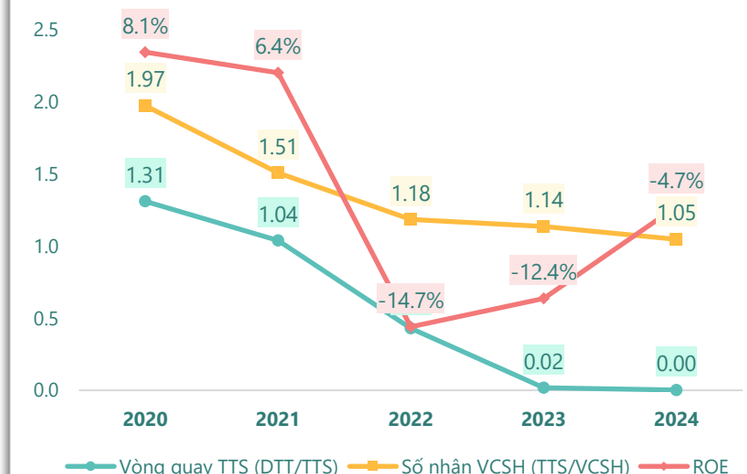

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

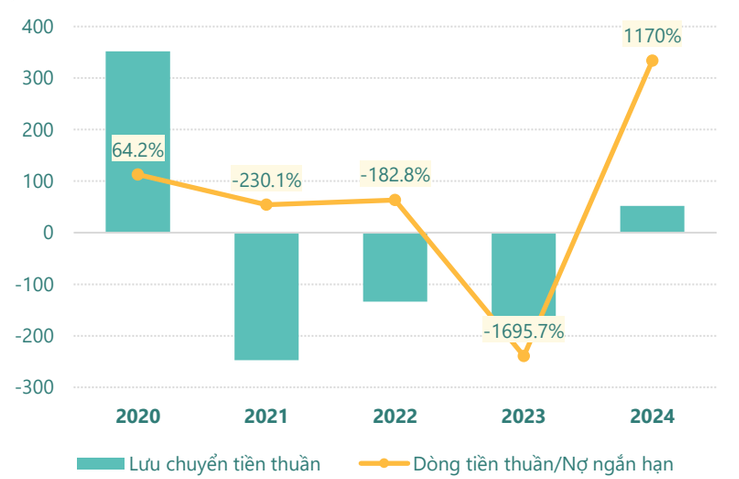

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.38**	**0.13**	**194%**	**0.86**	**8.30**	**-89.7%**
Giá vốn hàng bán	0.18	0.00		0.19	12.3	-98.4%
Lợi nhuận gộp	0.20	0.13	52.4%	0.66	-4.00	117%
Doanh thu HĐTC	1.18	3.56	-66.8%	4.59	7.54	-39.2%
Chi phí TC	0.10	0.06	68.0%	0.27	1.24	-78.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.47**	**100%**	**0**	**-0.47**	**100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.01	-100%
Chi phí QLDN	**9.48**	**11.3**	**-16.1%**	**41.7**	**47.7**	**-12.6%**
LN thuần từ HĐKD	-8.20	-8.17	-0.4%	-36.7	-45.9	20.0%
Lợi nhuận khác	**-2.00**	**1.03**	**-294%**	**6.84**	**1.31**	**423%**
LN trước thuế	-10.2	-7.15	-42.6%	-29.8	-44.6	33.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-10.2**	**-7.86**	**-30.4%**	**-18.2**	**-51.9**	**65.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-10.2**	**-7.86**	**-30.4%**	**-18.2**	**-51.9**	**65.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.39	-7.81	-3.65	-11.9	-4.28	-3.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.0	20.6	6.73	16.1	47.4	5.25
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	36.9	13.6	26.4	29.6	33.9	76.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.4**	**12.8**	**3.08**	**4.19**	**43.2**	**1.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.10	-0.01	0.15	0.05	-0.14	0.14
Tiền cuối kỳ	13.6	26.4	29.6	33.9	76.9	78.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**386**	**419**	**-7.8%**
Tài sản ngắn hạn	191	205	-6.5%
Tiền và tương đương tiền	78.5	26.4	197%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.68	66.0	-99.0%
Phải thu ngắn hạn	4.46	4.47	-0.2%
Hàng tồn kho	94.2	94.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.4	13.6	-1.5%
Tài sản dài hạn	**195**	**214**	**-9.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	134	153	-12.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.4	13.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.9	34.4	1.5%
Tài sản dài hạn khác	**12.6**	**13.8**	**-8.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.82	26.7	-67.0%
Nợ ngắn hạn	**4.44**	**10.6**	**-58.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.51	5.50	-90.8%
Nợ dài hạn	4.38	16.1	-72.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**378**	**392**	**-3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**378**	**392**	**-3.8%**
Vốn điều lệ	330	330	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)